TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2025
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Được
- Bà Phước Thị Kim Huê

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-HN ngày 25/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tài T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nay là ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2025, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị Tuyết H trình bày và có yêu cầu như sau:

- Vào năm 1992 chị và anh Nguyễn Tài T xác lập quan hệ hôn nhân, đến năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh (cũ). Trong thời gian chung sống đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thay đổi tính tình thường uống rượu, hay ghen vô cớ, nhiều lần có lời lẻ xúc phạm chị và anh không quan tâm chăm lo gia đình, chị nhiều lần khuyên, tạo cơ hội sống hoà thuận nhưng anh T không thay đổi tính tình nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 5/2025, đến nay chị thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tài T.

- Về con chung tên Nguyễn Thị Linh H1, sinh năm 1993 và Nguyễn Trường S, sinh năm 1996, Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2005 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2007, các con đã thành niên nên chị H không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết; Ngoài ra không có tranh chấp khác.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Tài T có lời khai, trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất trình bày của chị Nguyễn Thị Tuyết H về hôn nhân vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống anh thừa nhận hay uống rượu, có lời lẻ xúc phạm vợ, không chăm lo gia đình, nay anh biết lỗi, anh xác định còn thương vợ nên yêu cầu được hàn gắn, không đồng ý ly hôn.

- Về con chung tên Nguyễn Thị Linh H1, sinh năm 1993 và Nguyễn Trường S, sinh năm 1996, Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2005 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2007, các con đã thành niên nên anh T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung, anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Không yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự và xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết H ly hôn với anh Nguyễn Tài T; về con chung tên Nguyễn Thị Linh H1, sinh năm 1993 và Nguyễn Trường S, sinh năm 1996, Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2005 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2007 đã thành niên, các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét; Về tài sản và nợ chung các đương sự không tranh chấp nên đề nghị không xem xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, đề nghị buộc chị H phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị Tuyết H khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với anh Nguyễn Tài T; Địa chỉ ấp G, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nay là ấp G, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Tuyết H và anh Nguyễn Tài T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà chị H cho rằng nhiều lần tạo điều kiện hàn gắn với anh T nhưng anh T không sửa đổi tính tình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không hàn gắn được nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn; anh T thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn anh có lỗi, anh hứa sửa đổi tính tình, anh còn thương chị H nên yêu cầu hàn gắn lại, không đồng ý ly hôn. Xét thấy, quá trình chung sống giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm về cách ứng xử, anh T không quan tâm chăm lo gia đình, tình cảm vợ chồng không hoà thuận được nên anh chị sống ly thân với nhau; sau khi chị H và anh T không còn sống chung đến nay thì mỗi người có cuộc sống riêng, không còn tin tưởng, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và anh T đã tìm cách tạo điều kiện để hàn gắn lại nhưng chị H không đồng ý; phía Tòa án đã nhiều lần hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết H.

[3] Về con chung tên: Nguyễn Thị Linh H1, sinh năm 1993, Nguyễn Trường S, sinh năm 1996, Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2005 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2007, các con đã thành niên, chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị H và anh T không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị H phải nộp 300.000 đồng.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết H.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết H ly hôn với anh Nguyễn Tài T.

- Về con chung tên: Nguyễn Thị Linh H1, sinh năm 1993, Nguyễn Trường S, sinh năm 1996, Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 30/5/2005 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2007, các con đã thành niên, chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Xét thấy trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết chị H và anh T không tranh chấp, không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0011784 ngày 19/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị H đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13-Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13-Vĩnh Long;
- UBND xã Vinh Kim;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa